

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 49 (02/12-06/12/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã tăng lên 224 nghìn đơn; Chỉ số PMI sản xuất tăng lên 48,4 điểm; Chỉ số PMI dịch vụ đã giảm xuống 52,1 vào tháng 11/2024;
- EURO: Doanh số bán lẻ tại khu vực giảm 0,5% trong tháng 10/2024; tỷ lệ thất nghiệp vẫn không đổi ở mức 6,3%.
- Nhật Bản: Chỉ số PMI tổng hợp đã điều chỉnh tăng 50,1 vào tháng 11/2024; PMI sản xuất giảm còn 49 điểm; PMI dịch vụ tăng lên 50,5 điểm; Tiền lương danh nghĩa tăng 2,6% so với cùng trong tháng 10/2024.
- BOJ: nhất trí duy trì mức lãi suất ngắn hạn ở mức 0,25%.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- UOB: Tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt 6.5% vào năm 2025.
- TCTK: Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 11 và 11 tháng năm 2024.
- Chính phủ: Phân đầu GDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 4.900 USD.
- Chính phủ: Tình hình kinh tế-xã hội 11 tháng năm 2024 khẳng định sự phục hồi mạnh mẽ.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng ở bốn phiên trong tuần trước khi giảm nhẹ vào phiên cuối tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 325.806 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 91.406 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,53 điểm) và 30 năm (+0,33 điểm).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	3,99	0,27	7,97	-2,21
1 Tuần	4,15	-2,89	11,54	-11,09
2 Tuần	4,18	-3,43	12,26	-12,38
1 Tháng	4,89	1,5	11,88	-8,04
3 Tháng	5,37	-0,76	11,72	-10,67
6 Tháng	5,04	3,58	9,2	-7,34
9 Tháng	5,52	-18,42	31,77	-44,76

Ghi chú: Ngày áp dụng 05/12/2024

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
02/12/2024	7		7/7	10.000	4
	14		1/1	1.500	3,9
03/12/2024	7		8/8	10.000	4
	14		2/2	1.300	3,95
04/12/2024	7		8/8	8.000	4
	14		1/1	250	3,95
05/12/2024	7		4/4	1.000	4
	14		2/2	5.325	4
	28		2/2	3.800	4
06/12/2024	7		5/5	1.000	4
	14		2/2	4.000	4
	28		1/1	500	3,99

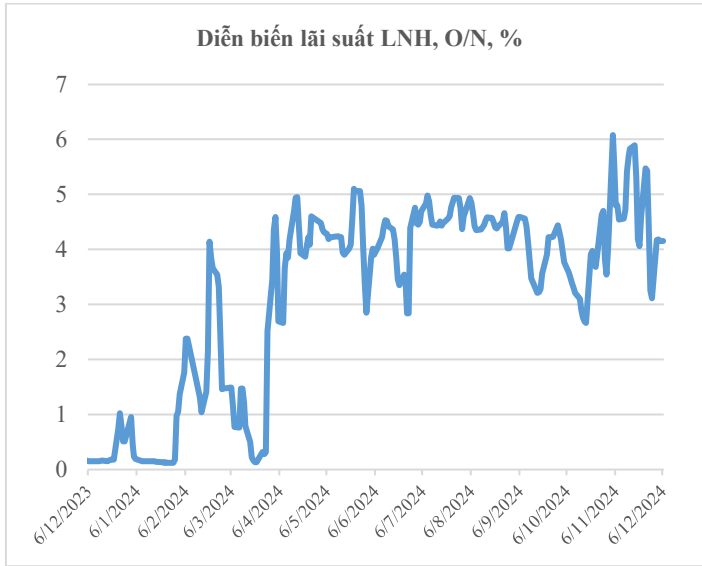
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 49 (02/12-06/12/2024)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,26		0,59			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		60%		31%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	79.250		1.500			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	276.250		5.000			
5	15 Năm	137.500		1.000			
6	20 Năm	14.000		-			
7	30 Năm	25.900		1.500			
Tổng		538.900		9.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	97.031	1,3	1.150	1,95		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	397.632	2,08	2.450	2,68		
5	15 Năm	150.051	2,28	950	3		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	21.588	2,8	800	3,18		
Tổng		681.003		5.350			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	47.370	1,37	1.000	1,96	-	+0,46
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	195.910	2,15	1.000	2,68	-	+0,53
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	9.842	2,85	800	3,18	+0,03	+0,33
Tổng		325.806		2.800			

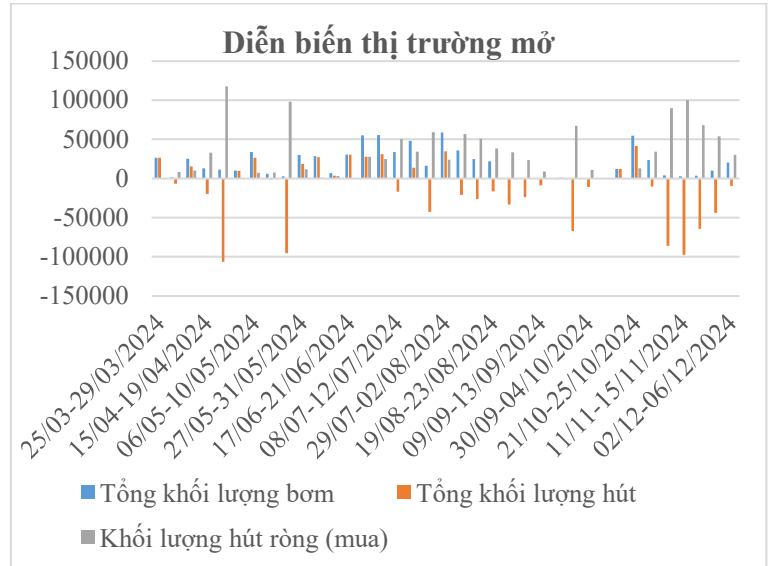
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

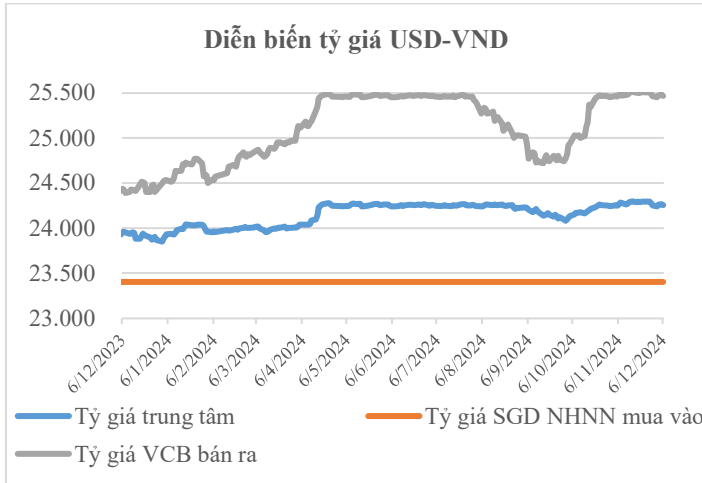


Nguồn: NHNN

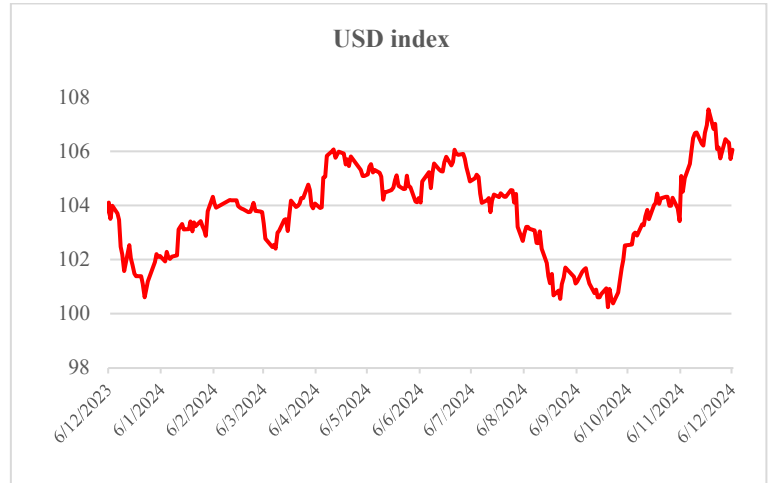


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

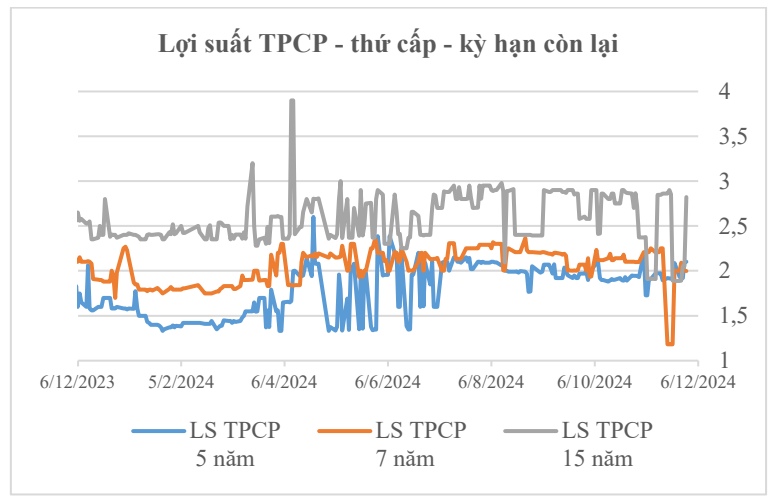
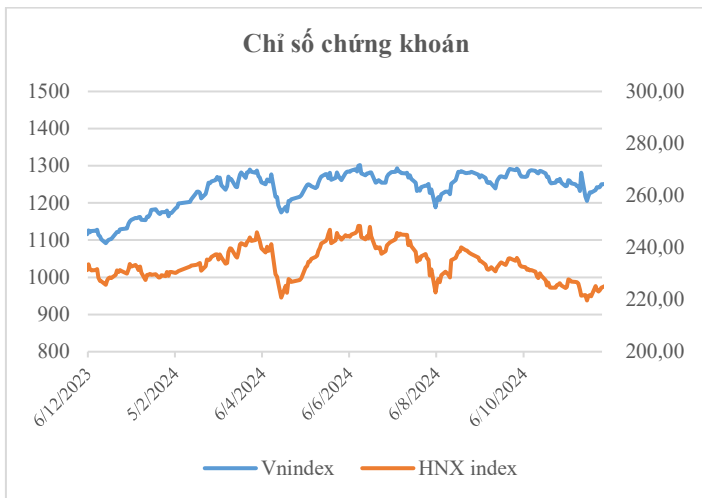


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 49 (02/12-06/12/2024)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.75%	5.00%	19/09/2024	18/12/2024
ECB	EURO Zone	3.25%	3.50%	17/10/2024	12/12/2024
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00 %	31/07/2024	19/12/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35 %	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	10/12/2024
BoE	Anh	4.75%	5.00%	01/08/2024	19/12/2024
BOK	Hàn Quốc	3.00 %	3.25 %	11/10/2024	16/01/2025
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	18/12/2024
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	18/12/2024
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	20/12/2024

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo W	+/_ % theo M	+/_ % YoY
EURUSD	1.05415	0.41%	-1.14%	-2.04%
GBPUSD	1.27265	0.57%	-1.13%	1.39%
AUDUSD	0.63850	-1.40%	-2.96%	-2.76%
USDJPY	150.056	0.30%	-2.26%	2.66%
USDCNY	7.28531	-0.01%	0.85%	1.29%
USDCAD	1.41700	0.87%	1.80%	4.39%
USDRUB	99.1292	-6.92%	3.26%	9.49%
USDKRW	1436.78	2.19%	2.55%	9.13%
DXY	106.168	-0.27%	0.67%	2.11%
USDTHB	34.0270	-1.20%	-1.35%	-4.77%
USDSGD	1.34259	-0.18%	0.73%	-0.07%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	4.1380	-0.06%	-0.17%	-0.10%
United Kingdom	4.2800	0.06%	-0.15%	0.20%
Japan	1.0420	-0.04%	0.04%	0.27%
Australia	4.2460	-0.09%	-0.35%	-0.10%
Germany	2.1125	0.03%	-0.33%	-0.08%
China	1.9580	-0.06%	-0.14%	-0.72%
Singapore	2.6850	-0.03%	-0.14%	-0.24%
South Korea	2.7100	-0.01%	-0.34%	-0.86%
Taiwan	1.5250	-0.02%	0.01%	0.26%
Thailand	2.2660	-0.02%	-0.16%	-0.57%
Vietnam	2.8610	0.01%	0.01%	0.36%
Hong Kong	3.2150	-0.05%	-0.14%	-0.50%
Indonesia	7.0010	0.14%	0.25%	0.39%
Malaysia	3.8470	0.03%	-0.04%	0.11%
Philippines	5.9410	-0.04%	0.02%	-0.31%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1 Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	-0.31%	+1.49%	+18.45%	+23.16%	+24.11%
S&P 500	+0.71%	+1.58%	+27.68%	+32.27%	+29.25%
Nasdaq	+2.35%	+2.97%	+32.30%	+37.88%	+27.06%
DAX	+2.26%	+6.08%	+21.69%	+21.63%	+30.48%
FTSE 100	-0.05%	+2.93%	+7.44%	+9.98%	+13.94%
CAC 40	+2.63%	+1.20%	-1.54%	-1.32%	+6.22%
Euro Stoxx 50	+2.70%	+3.64%	+10.08%	+10.04%	+18.53%
Nikkei 225	+1.67%	-0.88%	+17.00%	+21.19%	+37.68%
Shanghai	+1.13%	-1.45%	+14.36%	+14.56%	-7.21%
Hang Seng	+1.24%	-4.52%	+16.10%	+21.17%	-17.52%
SET	+0.58%	-1.32%	+2.09%	+4.66%	-10.68%
KOSPI	-3.83%	-7.83%	-11.10%	-6.25%	-21.58%
IDX Com	+5.04%	+1.58%	+1.78%	+3.39%	+11.27%
PSEi	-0.84%	-4.17%	+3.66%	+7.24%	-7.04%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	67.584	-0.76%	-0.67%	-5.56%
Natural gas USD/MMBtu	3.2168	0.28%	10.34%	37.11%
Gasoline USD/Gal	1.9167	-0.02%	-4.57%	-6.59%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2644.22	0.07%	0.77%	33.46%
Silver USD/t.oz	31.135	1.77%	1.37%	36.61%
Lithium CNY/T	76500	-2.17%	2.07%	-22.34%
Platinum SD/t.oz	934.50	-1.29%	-2.85%	2.69%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	4.1362	1.52%	-1.75%	9.54%
Steel CNY/T	3275.00	-2.15%	-1.65%	-16.96%
Iron Ore USD/T	808.50	1.95%	2.02%	-15.07%
Aluminum USD/T	2596.00	-0.42%	0.85%	22.63%
Tin USD/T	29151	0.82%	-8.38%	18.14%
Zinc USD/T	3087.00	-0.08%	3.47%	28.06%
Nikel USD/T	16013	0.03%	-3.58%	-1.80%
Coal USD/T	132.40	-4.68%	-6.89%	-10.99%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã tăng lên 224 nghìn đơn trong tuần kết thúc tháng 11, từ mức 213 nghìn ở tuần trước, cao hơn kì vọng của thị trường là 215.000 và đánh dấu mức cao nhất trong sáu tuần.

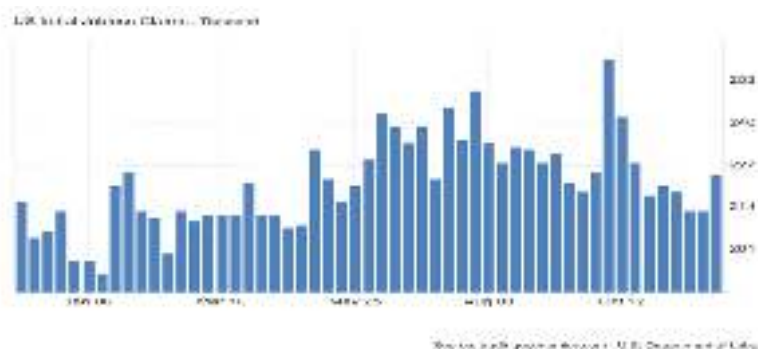
Một số tin đáng chú ý trong tuần:

- Bổ sung 227 nghìn lao động vào bảng lương trong tháng 11/2024, mức thấp nhất trong 3 tháng, sau mức tăng 184 nghìn vào tháng 10 và thấp hơn một chút so với dự báo là 150 nghìn
- Chỉ số PMI sản xuất tăng lên 48,4 điểm trong tháng 11 vượt qua dự báo là 47,5. Chỉ số này chỉ ra một sự suy giảm nhẹ trong lĩnh vực sản xuất.
- Ngược lại, chỉ số PMI dịch vụ đã giảm xuống 52,1 vào tháng 11/2024 từ mức 56 ở tháng trước và thấp hơn nhiều so với dự báo là 55,5. Chỉ số này chỉ ra mức tăng trưởng chậm nhất trong lĩnh vực dịch vụ trong ba tháng.
- Tâm lý người tiêu dùng đã tăng trong tháng thứ năm liên tiếp lên 74 vào tháng 12/2024, mức cao nhất kể từ tháng 4, so với 71,8 vào tháng 11 và cao hơn dự báo là 73.

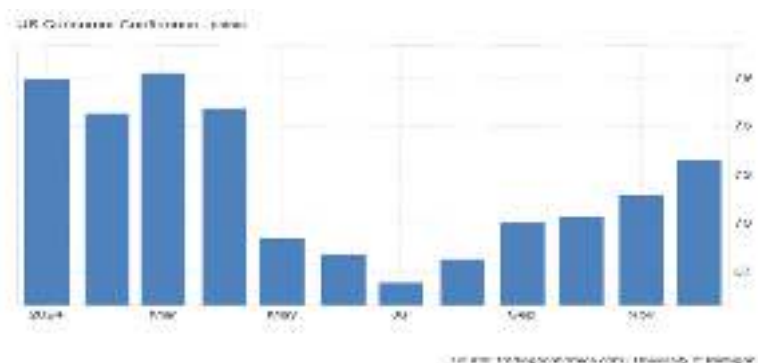
Khu vực EURO:

Doanh số bán lẻ tại khu vực giảm 0,5% trong tháng 10/2024. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp vẫn không đổi ở mức 6,3% trong tháng 10.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã tăng



Niềm tin người tiêu dùng



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

Tỷ lệ thất nghiệp tại khu vực



Nguồn: Eurostat/Tradingeconomics

Nhật Bản:

Chỉ số PMI tổng hợp đã điều chỉnh tăng 50,1 vào tháng 11/2024 từ mức ban đầu là 49,8, từ mức 49,6 của tháng 10, cho thấy sự ổn định rộng rãi trong hoạt động của khu vực tư nhân. Trong khi nền kinh tế dịch vụ chứng kiến sự tăng trưởng biên, sản lượng sản xuất tiếp tục giảm. Cụ thể:

- PMI sản xuất: giảm còn 49 điểm, mức thấp nhất kể từ tháng 3.
- PMI dịch vụ: tăng lên 50,5 điểm, từ mức 50,2 điểm ở tháng trước

Tiền lương danh nghĩa tăng 2,6% so với cùng trong tháng 10/2024, đánh dấu mức tăng trưởng chậm nhất kể từ tháng 5. Ngược lại, tiền lương thực tế đã điều chỉnh theo lạm phát, vẫn giữ nguyên so với tháng 10 năm 2023.

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới tăng

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay đạt mức 2.625 USD/oz, dữ liệu gần đây cho thấy Fed có dư địa để cắt giảm lãi suất.

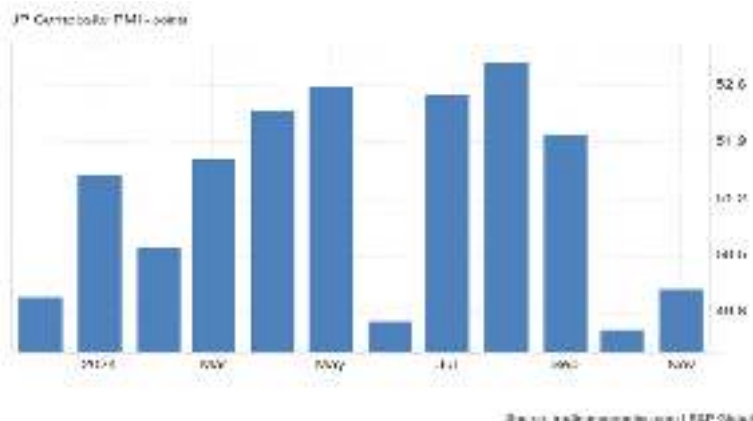
II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

BOJ: nhất trí duy trì mức lãi suất ngắn hạn ở mức 0,25%

Trong cuộc họp tháng 10, BOJ nhất trí duy trì lãi suất ngắn hạn chủ chốt ở mức khoảng 0,25%, giữ ở mức cao nhất kể từ năm 2008

Chỉ số PMI tổng hợp tăng



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu tương lai Brent giảm 1,3% xuống còn 71,1 USD/thùng. Hợp đồng dầu tương lai WTI giảm 1,6% còn 67,2 USD/thùng. Ghi nhận mức giảm hàng tuần gần 1%, do lo ngại về tình trạng dư cung vào năm 2025.

Nguồn: OPEC/Kitco

Quyết định được đưa ra trong bối cảnh bối cảnh chính trị thay đổi sau cuộc bầu cử của Nhật Bản và trước cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ.

Thống đốc Kazuo Ueda đã đặt ra những lo ngại về triển vọng kinh tế toàn cầu ngày càng không chắc chắn, tuyên bố rằng BOJ có thời gian để phân tích các yếu tố rủi ro sau khi thực hiện tăng lãi suất vào tháng 3 và tháng 7. BOJ vẫn cam kết tăng lãi suất thêm nữa nếu dữ liệu kinh tế và giá cả phù hợp với dự báo.

Trong triển vọng hàng quý, BoJ giữ nguyên dự báo lạm phát cốt lõi sẽ đạt 2,5% trong năm tài chính 2024, với lạm phát dự kiến sẽ vào khoảng 1,9% cho cả năm tài chính 2025 và năm tài chính 2026. Về GDP, ngân hàng trung ương giữ nguyên dự báo tăng trưởng năm 2024 ở mức 0,6%. Ngoài ra, dự báo tăng trưởng 1,1% cho năm tài chính 2025 và 1,0% cho năm tài chính 2026.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

UOB: Tăng trưởng GDP Việt Nam có thể đạt 6.5% vào năm 2025

- Ngân hàng UOB dự báo kinh tế Việt Nam quý 4/2024 cho thấy nền kinh tế đang trên đà tăng trưởng vững chắc. Tăng trưởng GDP thực tế trong quý 3/2024 đạt 7.4%, vượt dự báo và là mức cao nhất kể từ quý 3/2022. Trong đó, các lĩnh vực như công nghiệp, xây dựng, và dịch vụ đóng góp chính vào tăng trưởng. Xuất khẩu của Việt Nam tăng 14.9% so với cùng kỳ năm trước, và dự báo cả năm 2024 xuất khẩu sẽ tăng 18%. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục tăng trưởng mạnh, với 27.3 tỷ USD đăng ký trong 10 tháng đầu năm. Mặc dù vậy, ngành du lịch chưa hoàn toàn phục hồi so với trước đại dịch. Ngân hàng UOB dự báo tăng trưởng GDP cả năm 2024 đạt 6.4%, với quý 4/2024 đạt 5.2%.

Về chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) không chịu áp lực phải nới lỏng chính sách trong bối cảnh kinh tế tăng trưởng mạnh và lạm phát dưới mục tiêu 4.5%. Tuy nhiên, NHNN cần theo dõi áp lực giảm giá đối với VND, đặc biệt khi đồng USD mạnh lên. Dự báo tỷ giá VND sẽ tiếp tục giảm do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài.

FX & Rates	1Q25F	2Q25F	3Q25F	4Q25F
USD/VND	25,800	26,000	26,200	26,000
VND Refinancing Rate	4.50	4.50	4.50	4.50
Economic Indicator	2022	2023	2024F	2025F
GDP (%)	8.0	5.0	6.4	6.6
CPI (avg y/y %)	3.2	3.3	4.0	4.2
Current Account (% of GDP)	0.3	1.0	1.0	1.2
Fiscal Balance (% of GDP)	-4.5	-3.0	-3.4	-3.8

Nguồn: UOB

Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội tháng Mười Một và 11 tháng năm 2024

- Trong tháng 11, sản xuất nông nghiệp tập trung vào thu hoạch lúa mùa trên toàn quốc, gieo trồng cây màu vụ đông ở miền Bắc, và thu hoạch lúa thu đông tại Đồng bằng sông Cửu Long. Hoạt động chăn nuôi diễn ra thuận lợi, dịch bệnh được kiểm soát, đặc biệt là phát triển đàn lợn và gia cầm để đảm bảo nguồn cung thực phẩm cho dịp lễ, Tết. Khai thác gỗ tiếp tục tăng do nhu cầu gỗ nguyên liệu cao, và nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng 11/2024 tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng đầu năm 2024, IIP ước tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2023 (năm 2023 tăng 0,9).

- Trong tháng 11/2024, vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước ước đạt 75,9 nghìn tỷ đồng, tăng 5,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng, vốn đầu tư từ ngân sách đạt 572,0 nghìn tỷ đồng, bằng 73,5% kế hoạch năm và tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam đến ngày 30/11/2024 đạt 31,38 tỷ USD, tăng 1,0% so với cùng kỳ. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 11 tháng đạt 21,68 tỷ USD, tăng 7,1%.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước tháng 11/2024 ước đạt 139,4 nghìn tỷ đồng. Lũy kế tổng thu ngân sách 11 tháng năm 2024 ước đạt 1.808,5 nghìn tỷ đồng, bằng 106,3% dự toán năm và tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách Nhà nước tháng 11/2024 ước đạt 170,8 nghìn tỷ đồng. Lũy kế chi ngân sách 11 tháng năm 2024 ước đạt 1.560,7 nghìn tỷ đồng, bằng 73,6% dự toán năm và tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu ngân sách Nhà nước trong 11 tháng năm 2024 ước tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 4,7% so với cùng kỳ năm 2023, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh,

- Tháng 11, cả nước ghi nhận gần 11,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, giảm 21,3% so với tháng trước và giảm 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Có hơn 7,7 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 10,9% nhưng tăng 17,4% so với cùng kỳ. Số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 4.243, giảm 22,2% và giảm 5,9%. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ giải thể là 7.550, tăng 39,2% và tăng 14,4%.

Phấn đấu GDP bình quân đầu người năm 2025 đạt 4.900 USD

- Mục tiêu tổng quát năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, phấn đấu đạt kết quả cao nhất các mục tiêu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Năm 2025 sẽ tập trung vào tăng trưởng kinh tế ổn định, kiểm soát lạm phát và hoàn thiện thể chế pháp lý để đáp ứng yêu cầu đổi mới sáng tạo. Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và đổi mới mô hình tăng trưởng sẽ gắn với nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh.

- Chính phủ sẽ đẩy mạnh hoàn thành các công trình hạ tầng chiến lược, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy khoa học công nghệ, chuyển đổi số, và phát triển kinh tế xanh, số, tuần hoàn. Đồng thời, sẽ chú trọng phát triển văn hoá, an sinh xã hội và nâng cao phúc lợi cho người dân.

Tình hình kinh tế-xã hội 11 tháng khăng định sự phục hồi mạnh mẽ

- Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phục hồi mạnh mẽ, với dự báo tăng trưởng năm 2024 đạt hoặc vượt 7%, nhờ vào sự đóng góp của các địa phương động lực như TP.HCM, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương, Đồng Nai. Các tổ chức quốc tế như IMF đều điều chỉnh dự báo tăng trưởng tích cực, đánh giá Việt Nam là một trong những nước có tăng trưởng cao nhất thế giới.

quản lý Nhà nước, thanh toán nợ đến hạn và chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

- Trong tháng 11, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 66,4 tỷ USD, giảm 4,1% so với tháng trước và tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung mười một tháng năm 2024, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 715,55 tỷ USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 14,4%; nhập khẩu tăng 16,4%[4]. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 24,31 tỷ USD.

Nguồn: TCTK

- Cải cách hành chính, môi trường đầu tư, và tổ chức bộ máy hiệu quả sẽ tiếp tục được thực hiện. Chính phủ kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí và nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, dân vận, tạo đồng thuận xã hội. Cũng sẽ củng cố quốc phòng, an ninh, và đẩy mạnh đối ngoại để nâng cao uy tín, vị thế quốc gia.

Nguồn: Chinhphu.vn

- Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát kiểm soát, và các cân đối lớn bảo đảm. Hoạt động sản xuất kinh doanh phục hồi, xuất khẩu mạnh, FDI tăng trưởng 7,1%. Các lĩnh vực tiêu dùng, thương mại điện tử, du lịch, và xuất khẩu đều có kết quả tích cực, với khách quốc tế tăng 41%.

- Cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao triển vọng kinh tế và cam kết đầu tư lâu dài. Chính phủ tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh các dự án trọng điểm, thực hành tiết kiệm và chú trọng an sinh xã hội. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, và đối ngoại cũng được ưu tiên phát triển.

Nguồn: Chinhphu.vn

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 49 (02/12-06/12/2024)

- Lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 02/12 - 06/12, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 30.000 tỷ đồng trúng thầu, có 53.999,85 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 49 (02/12-06/12/2024)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Chỉ số USD Index biến động giảm vào các phiên trong tuần trước khi tăng trở lại ở phiên cuối tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 106.45 điểm. Chốt lại phiên ngày 06/12 ở mức 106.06 điểm cao hơn 0.32 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 0.97 điểm so với phiên cùng ngày tháng 11.

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP:

Tuần 49 (02/12-06/12/2024)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **2.800/ 9.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 31%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 5 năm-lãi suất 1,96 % ;10 năm-lãi suất 2,68 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (tăng 0.03 điểm %);

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 02/12-06/12, lãi suất VND liên ngân hàng tăng-giảm ở hầu hết các kỳ hạn qua các phiên. Chốt phiên ngày 05/12, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 3,99% (+0,88 điểm phần trăm); 1 tuần 4,15% (+0,35 điểm phần trăm); 2 tuần 4,18% (+0,62 điểm phần trăm); 1 tháng 4,89% (+0,09 điểm phần trăm) so với phiên 22/11.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN đấu thầu lãi suất ở 2 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày. Có 12.375 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày, lãi suất từ 3,95-4,0%, có 8.100 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất giữ ở mức 4,0% 4 phiên đầu tuần, phiên cuối tuần giảm nhẹ xuống mức 3,99%. Có 3.950 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 02/12-06/12, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng ở bốn phiên trong tuần trước khi giảm nhẹ vào phiên cuối tuần. Chốt ngày 06/12, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.255 VND/USD, cao hơn 04 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và thấp hơn 03 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 02/12 - 06/12 biến động tăng - giảm nhẹ qua các phiên. Kết thúc phiên 06/12, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.389, tăng 17 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 04 đồng so với phiên cùng ngày tháng 11.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 8.577 tỷ đồng/phiên, giảm 43,02% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Giảm	0.18	điểm%
7 năm	Tăng	0.002	điểm%
10 năm	Giảm	1.287	điểm%
15 năm	Tăng	0.08	điểm%

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 10 năm-lãi suất 2,68 % (không tăng giảm điểm %); 30 năm-lãi suất 3,18 % (tăng 0,03 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **325.806** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 4.130 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 50%). Lũy kế từ đầu năm đến 06/12/2024 là 374.551 tỷ VND (có 386 đợt thông báo phát hành).

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **17.911** tỷ đồng/phiên.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.270,14** điểm (+19,68 điểm; **+1,57%**) và *HNX-Index* đóng cửa ở 228.93 điểm (+4,29 điểm; **+1,91%**) so với phiên cuối tuần trước.

Tuần qua NĐT NN mua ròng 305.82 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VND)
TUẦN 49 (02/12-06/12/2024)	305.82
Tháng 11-2024	157.29
Q3 - 2024	2.451.07
Năm 2022	-8.065
Năm 2021	10.886

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 20.716 tỷ VND (Khối lượng 30.185)

Lũy kế từ khi có sàn giao dịch đạt giá trị 973,099 tỷ VND (KL đạt 2.038.520).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 06/12/2024 là 64,7%, tăng 4,87 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 403 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 91,406 tỷ VND cổ phiếu.

1. *Vốn hóa cả 3 sàn ngày 06/12/2024* : 7,124 triệu tỷ VND;

2. *GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất*: 11,011 triệu tỷ VND.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
VPCP	Thông báo số 542/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tại cuộc họp Tổ công tác số 5 về việc kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công hằng năm tại các bộ, cơ quan và địa phương	03/12/2024	03/12/2024	https://vanban.chinhphu.vn/he-thong-van-ban?classid=2&mode=1

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
NHNN	Dự thảo Thông tư quy định về hoạt động cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	02/12/2024		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
BLĐ TBXH	Dự thảo Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc	02/12/2024		
BTC	Dự thảo Nghị định quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số/2024/QH15 ngày 30/11/2024	04/12/2024		
BTC	Dự thảo Thông tư bãi bỏ 24 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính (trong lĩnh vực giá)	04/12/2024		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA